TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CAI LẬY** **TỈNH TIỀN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**
Bản án số: 96/2024/HNGĐ-ST Ngày 11/6/2024 V/v "Tranh chấp ly hôn"	

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CAI LẬY, TỈNH TIỀN GIANG

- Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Mỹ Nhanh.

- Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Tư;
2. Bà Nguyễn Thị Kim Hạnh.

- Thư ký phiên tòa: Bà Huỳnh Thị Thùy Trang – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cai Lậy.

Trong ngày 11 tháng 6 năm 2024, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Cai Lậy mở phiên toà xét xử sơ thẩm vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 87/2024/TLST-HNGĐ ngày 11 tháng 3 năm 2024 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 84/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 06 tháng 5 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 65/2024/QĐST-HNGĐ ngày 24 tháng 5 năm 2024, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Trần Minh T, sinh năm 1985, (có đơn xin vắng mặt);
Địa chỉ: Ấp F, xã T, thị xã C, tỉnh Tiền Giang.
- *Bị đơn:* Anh Thái Văn L, sinh năm 1986, (vắng mặt);
Địa chỉ: Khu phố B, thị trấn B, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

**** Theo đơn khởi kiện, tờ tự khai ghi ngày 26/02/2024, trong quá trình giải quyết vụ án chị Trần Minh T trình bày:***

Chị và anh Thái Văn L xác lập quan hệ hôn nhân vào năm 2013, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn B, huyện C. Thời gian đầu anh chị chung sống hạnh phúc đến năm 2020 thì phát sinh nhiều mâu thuẫn nguyên nhân là do bất đồng quan điểm trong cuộc sống, tính tình không hợp nhau, vợ chồng thường xuyên cãi vã nhau làm cho cuộc sống vợ chồng không có hạnh phúc. Chị và anh L đã sống ly thân nhau từ tháng 11/2023 đến nay không hàn gắn được

tình cảm. Nhận thấy, mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng, tình cảm vợ chồng không còn. Nay chị yêu cầu Tòa án giải quyết các vấn đề sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị yêu cầu ly hôn với anh Thái Văn L.

- Về con chung: Có 02 con chung tên Thái Trần Duy L1, sinh ngày 09/9/2013 và Thái Trần Duy P, sinh ngày 02/7/2018. Khi ly hôn chị T yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung tên Thái Trần Duy P, đồng ý giao con chung tên Thái Trần Duy L1 cho anh L trực tiếp nuôi dưỡng. Chị và anh L không ai phải cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Do bận công việc không thể tham gia phiên tòa nên chị T có đơn xin được vắng mặt trong quá trình xét xử.

***** Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tống đạt thông báo thụ lý vụ án nêu rõ yêu cầu của nguyên đơn, đơn khởi kiện, bản tự khai, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, thông báo kết quả phiên họp về việc kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định hoãn phiên tòa và triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng anh L vắng mặt không lý do và cũng không có văn bản trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của chị T.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi xem xét các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa; Căn cứ lời trình bày của đương sự, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Nguyên đơn chị T có đơn yêu cầu ly hôn với anh L, bị đơn anh L cư trú tại khu phố B, thị trấn B, huyện C, tỉnh Tiền Giang. Do đó, quan hệ pháp luật trong vụ án được xác định là "Tranh chấp ly hôn" thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Cai Lậy theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về tố tụng: Tại phiên tòa, anh L vắng mặt lần thứ 2 mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ; đồng thời chị T có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt nên căn cứ vào điểm a, b khoản 2 Điều 227; khoản 1, 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn và bị đơn.

[3] Xét yêu cầu xin ly hôn của chị T là có cơ sở để Hội đồng xét xử chấp nhận, bởi lẽ:

3.1. Về quan hệ hôn nhân: Chị T và anh L kết hôn trên cơ sở tự nguyện, được Ủy ban nhân dân xã B (Nay là thị trấn B), huyện C cấp giấy chứng nhận kết hôn số 101 vào ngày 30/7/2013, được xem là hôn nhân hợp pháp.

Căn cứ vào lời khai của chị T thì sau khi kết hôn, chị và anh Lâm c sống hạnh phúc được một thời gian, sau đó anh chị bắt đầu phát sinh mâu thuẫn,

thường xuyên cãi vã nhau và sống ly thân từ tháng 11 năm 2023 đến nay vẫn không hàn gắn được tình cảm. Anh chị không còn liên lạc và quan tâm cuộc sống của nhau nữa, chứng tỏ giữa chị T và anh L đã không còn tình cảm vợ chồng, việc kéo dài hôn nhân sẽ không mang lại hạnh phúc cho cả hai.

Theo quy định tại Điều 19 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định: *"vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau; cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình. Vợ chồng có nghĩa vụ sống chung với nhau....."*. Do đó, việc chị T và anh L thường xuyên cãi vã, mâu thuẫn với nhau, sống ly thân trong thời gian dài, cho thấy hôn nhân giữa hai người lâm vào tình trạng trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được.

Ngoài ra, trong quá trình giải quyết vụ án, mặc dù Tòa án đã tống đạt đầy đủ các văn bản tố tụng cho anh L, mở phiên hòa giải để hàn gắn mâu thuẫn cho các bên nhưng anh L vắng mặt không lý do và cũng không gửi văn bản trình bày ý kiến của mình về việc ly hôn, từ đó cho thấy anh L không có ý định hàn gắn tình cảm vợ chồng với chị T. Do đó, chị T yêu cầu xin ly hôn với anh L là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

3.2. Về con chung: Quá trình chung sống, chị T và anh L có 02 con chung tên Thái Trần Duy L1, sinh ngày 09/9/2013 và Thái Trần Duy P, sinh ngày 02/7/2018. Xét thấy, từ khi chị T và anh L sống ly thân thì cháu P sống với chị T cón cháu L1 thì sống với anh L, cuộc sống sinh hoạt đã ổn định. Tại bản tự khai của cháu P có nguyện vọng sống với anh L khi chị T và anh Lâm ly h. Đồng thời tại văn bản xác nhận tình trạng hôn nhân và điều kiện nuôi con, chính quyền địa phương ấp F, xã T, thị xã C xác nhận chị T có đủ điều kiện để nuôi con. Anh L không có ý kiến phản đối về yêu cầu nuôi cháu P của chị T và giao cháu L1 cho anh L nuôi dưỡng. Vì vậy, chị T yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng cháu P và giao cháu L1 cho anh L nuôi dưỡng là có cơ sở nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

3.3. Về cấp dưỡng: Chị T chưa yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

3.4. Về tài sản chung, nợ chung: Chị T không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[4] Về án phí: Chị T phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm theo quy định tại Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ:

- Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, điểm a, b khoản 2 Điều 227, khoản 1, 3 Điều 228, khoản 1 Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Trần Minh T.

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho chị Trần Minh T được ly hôn với anh Thái Văn L.

2. Về con chung:

- Giao con chung tên Thái Trần Duy P, sinh ngày 02/7/2018 cho chị Trần Minh T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng.

- Giao con chung tên Thái Trần Duy L1, sinh ngày 09/9/2013 cho anh Thái Văn L trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng.

Anh Thái Văn L và chị Trần Minh T được quyền thăm nom, chăm sóc con chung mà không ai được quyền ngăn cản.

3. Về cấp dưỡng, tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về án phí: Chị Trần Minh T phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân sơ thẩm được trừ vào 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0002396 ngày 07/3/2024 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang nên chị T đã nộp xong án phí.

5. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 02 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và Điều 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Tiền Giang;
- VKSND huyện Cai Lậy;
- Chi cục THADS huyện Cai Lậy;
- UBND thị trấn B, H. Cai Lậy;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

Phạm Thị Mỹ Nhanh